TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KK** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HS-ST
Ngày 04-7-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dịu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Phùng

Ông Bùi Đình Ngát

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Phong - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18 /2019/TLST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/HSST-QĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Vũ Văn M, sinh ngày 28/6/1985 tại Hải Phòng. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Thôn K 1, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn D và bà Vũ Thị T; có vợ là Nguyễn Thị D1 và 03 con; tiền án, tiền sự, nhân thân:

Bản án sơ thẩm số 10/2009/HSST ngày 07/5/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bản án phúc thẩm số 441/2009/HSPT ngày 11/9/2009 của Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng tuyên xử y án sơ thẩm (đã được xóa án tích)

- Bản án sơ thẩm số 03/2019/HSST ngày 21/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 17 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Quyết định

đình chỉ xét xử phúc thẩm số 59 ngày 19/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh; bản án sơ thẩm số 03/2019/HSST ngày 21/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Ninh có hiệu lực pháp luật từ ngày 19/6/2019.

- Bản án sơ thẩm số 12/2019/HSST ngày 14/3/2019 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 07 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bản án phúc thẩm số 62/2019/HS-PT ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giữ nguyên bản án sơ thẩm, xử phạt 07 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Ngày 07/12/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Quảng Bình khởi tố về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Bị cáo khai, ngày 06/6/2019 Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Bình đã xử phạt 15 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

.- Bản án sơ thẩm số 24/2019/HS-ST ngày 07/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Bình xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; hiện nay bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

- Ngày 05/6/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Trị ban hành Kết luận điều tra vụ án hình sự và đề nghị truy tố số 32/KLĐT-PC 02 đối với Vũ Văn M đến Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị truy tố về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/10/2018 đến ngày 31/10/2018 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh về hành vi trộm cắp tài sản ngày 24,25/10/2018 tại thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

2. Phạm Văn V, sinh ngày 21/01/1987 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Đặng Thị M (đã ly hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự, nhân thân:

- Bản án sơ thẩm số 03/2019/HSST ngày 21/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 58 ngày 19/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh; bản án sơ thẩm số 03/2019/HSST ngày 21/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Ninh có hiệu lực pháp luật từ ngày 19/6/2019.

- Bản án sơ thẩm số 12/2019/HSST ngày 14/3/2019 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 07 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bản án phúc thẩm số 62/2019/HS-PT ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giữ nguyên bản án sơ thẩm, xử phạt 07 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Ngày 07/12/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Quảng Bình khởi tố về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Bị cáo khai, ngày 06/6/2019

Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Bình đã xử phạt 15 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Bản án sơ thẩm số 24/2019/HS-ST ngày 07/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Bình xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; hiện nay bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

- Ngày 05/6/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Trị ban hành Kết luận điều tra vụ án hình sự và đề nghị truy tố số 32/KLĐT-PC 02 đối với Phạm Văn V đến Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị truy tố về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/10/2018 đến ngày 31/10/2018 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh về hành vi trộm cắp tài sản ngày 24,25/10/2018 tại thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

- *Bị hại*:

+ Ông Đào Văn M1, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1967; cùng cư trú tại: Thôn X, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; ông M1 có mặt, bà Đ vắng mặt.

+ Ông Lê Quốc B, sinh năm 1962 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1961; cùng cư trú tại: Số 63 C, thị trấn N, huyện K, thành phố Hải Phòng; đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Ông Vũ Văn L, sinh năm 1964 và bà Vũ Thị T, sinh năm 1965; cùng cư trú tại: Thôn V, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng; đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Chu Đức N1, sinh năm 1977; cư trú tại: Thôn T, xã A1, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

+ Anh Trương Văn L1, sinh năm 1982; cư trú tại: Thôn K, xã A1, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

+ Anh Đỗ Văn L2, sinh năm 1976; cư trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

- *Người làm chứng*: Nguyễn Tân V1, Vũ Thị T1, Đỗ Văn Q; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Từ ngày 08/10 đến ngày 11/10/2018 Vũ Văn M, Phạm Văn V đã thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản, cụ thể:

Lần thứ nhất: Rạng sáng ngày 08/10/2018, M gọi điện thoại rủ V đi trộm cắp tài sản ở huyện K; V đồng ý. M điều khiển xe ô tô tải BKS 15C-04813 chở V đến nhà ông Lê Quốc B ở số 63 C, thị trấn N, huyện K, thành phố Hải Phòng phát hiện thấy cửa nhà đóng, trước cửa nhà có một số bộ ghế gỗ được phủ bằng mảnh nilon quấn dây cao su và được khóa bằng dây cáp, không có người trông coi. M điều khiển xe đỗ ở phía đối diện cửa nhà ông B rồi dùng kìm cộng lực cắt đứt dây cáp xong cùng V khiêng 03 ghế tay vuông (gồm 02 ghế đơn, 01 ghế dài) để vào thùng xe ô tô, cả hai đi về huyện A, cất giấu tại nhà V. Sau đó, M tiếp tục điều khiển xe ô tô chở V quay lại nhà ông B khiêng tiếp 03 ghế tay tròn (gồm 02 ghế đơn, 01 ghế dài) lên thùng xe rồi chở đến nhà anh Trương Văn L1 ở thôn K, xã A1, huyện A, thành phố Hải Phòng bán cho anh L1 với giá 10.000.000 đồng. Khoảng 17 giờ cùng ngày, M, V chở 03 ghế tay vuông cất giấu tại nhà V trước đó đến bán cho anh Chu Đức N ở thôn T, xã A1, huyện A, thành phố Hải Phòng với giá 10.000.000 đồng. Chiếc kìm cộng lực M đã dùng để cắt dây cáp, M không biết làm rơi từ khi nào.

Lần thứ hai: Khoảng 02 giờ ngày 09/10/2018, M gọi điện thoại rủ V đến địa bàn huyện K trộm cắp tài sản, V đồng ý. M điều khiển xe ô tô BKS 15C-04813 chở V đi từ huyện A về địa phận xã T, huyện Kiến Thụy phát hiện thấy nhà ông Đào Văn M ở thôn X, trong lán để nhiều tấm gỗ các loại, không có người trông coi. V lấy 02 đoạn dây thép nhỏ có sẵn trên thùng xe buộc ngoài cửa nhà ông M và nhà ông Đào Văn N ở liền kề (nhằm mục đích nếu bị phát hiện sẽ có thời gian để bỏ chạy) rồi cùng M lần lượt khiêng hơn 10 tấm gỗ các loại đưa lên thùng xe ô tô.

Lần thứ ba: Sau khi trộm cắp tài sản ở nhà ông M; Mạnh tiếp tục điều khiển xe ô tô chở V đi về hướng trung tâm huyện K; khi đến nhà chị Vũ Thị T ở giáp đường đi thuộc thôn V, xã H, huyện K. M, V phát hiện có 01 khung cửa gỗ để ở trước cửa nhà, không có người trông coi nên đã cùng nhau khiêng khung cửa để vào thùng xe ô tô. Cách nhà chị T khoảng 50m là nhà ông Vũ Văn L (bố đẻ chị T) cũng để 01 khung cửa gỗ trước cửa nhà, không có người trông coi. M, V khiêng khung cửa này lên thùng xe ô tô. Sau đó, M gọi điện thoại cho N trao đổi việc mua bán số tài sản này rồi điều khiển xe ô tô chở V và số tài sản trộm cắp đến nhà N. Tại nhà N, N chỉ mua 03 tấm gỗ lim với giá 3.500.000 đồng; M, V cho N những tấm gỗ còn lại và để nhờ ở nhà N 02 khung cửa gỗ. Khoảng 17 giờ cùng ngày, M, V đi xe ô tô BKS 15C- 04813 đến nhà N lấy 02 khung cửa gỗ, chở đến nhà Nguyễn Tân V1 ở thôn Đ, xã T, huyện A để bán cho V1 nhưng V1 không mua. V1 gọi Đỗ Văn L2 ở cùng thôn đến mua thì L2 đồng ý mua 02 khung cửa gỗ trên với giá 8.000.000 đồng. L2 để nhờ 02 khung cửa này tại nhà Đỗ Văn Q (là em trai ở cạnh nhà L2).

Toàn bộ số tiền có được từ việc bán tài sản trộm cắp, M, V chia đều cho nhau và sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Điện thoại của M, V dùng để liên lạc vào việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì M, V đã làm rơi mất.

Sau khi bị mất tài sản, vào các ngày 08, 10, 11/10/2018, lần lượt những bị hại là ông Lê Quốc B, Đào Văn M và Vũ Văn L đã trình báo Công an huyện K.

Ngoài ra, ngày 10/10/2018, ông Cao Đức L1, sinh năm 1955, cư trú tại thôn Q, xã T, huyện L có đơn trình báo về việc ngày 10/10/2018 gia đình ông bị mất khoảng 10 tấm gỗ lim.

Công an huyện K tiến hành tạm giữ một số tài sản tại nhà ông Lê Quốc B gồm: 02 tấm nilon màu trắng dạng bạt loại thường dùng để che đậy; 01 dây cáp bằng thép vỏ ngoài bằng nhựa một đầu chốt khóa đã bị cắt; 02 đoạn dây cao su co dãn màu đen đã bị cắt đứt 01 đoạn.

Tạm giữ tại nhà ông Đào Văn M1: 01 đoạn dây thép màu nâu rỉ gập đôi dài 06cm.

Tạm giữ một số tài sản tại nhà anh Đỗ Văn Q gồm: 01 khung cửa sổ, loại gỗ tạp, chiều ngang 1,37m, cao 2,13m, dày 6cm, có 07 song, bản 25cm; 01 khung cửa sổ, loại gỗ lim, chiều ngang 1,57m, cao 2,2m, dày 6cm, có 07 song, bản 25cm.

Tạm giữ một số tài sản tại nhà Chu Đức N gồm: 02 ghế gỗ đơn ở dạng thô, chưa phủ sơn, cùng kích thước cao 1,1m, sâu lòng 0,6m, lòng rộng 0,56m, rộng 1,05m, ghế tay vuông, trên mặt lưng tựa một ghế khắc bộ tranh mai, còn một ghế khắc bộ tranh cúc; 01 ghế gỗ ở dạng thô chưa phủ sơn, kích thước cao 1,1m, sâu lòng 0,6m, dài 2,4m, ghế tay vuông, trên mặt lưng tựa khắc 03 bộ tranh mai-sen-mai; 08 tấm gỗ thông, gồm 04 tấm cùng kích thước 02x0,15x0,09(m), 04 tấm cùng kích thước 2,3x0,15x0,15(m).

Tạm giữ một số tài sản tại nhà Trương Văn L1 gồm: 02 ghế gỗ đơn dạng thô, chưa phủ sơn, tay ghế hơi cong xuống dưới, vai ghế tròn, một ghế khắc bộ trúc, một ghế khắc bộ cúc, cùng kích thước cao 1,1m, sâu lòng 0,65m, rộng 0,95m, ghế khắc bộ cúc có vết rạn nứt ở bàn để tay bên trái; 01 ghế gỗ dạng thô chưa phủ sơn, tay ghế hơi cong xuống dưới, vai ghế tròn, lưng tựa khắc 03 bộ tranh cúc-sen-mai, kích thước cao 1,1m, sâu lòng 0,65m, dài 2,07m.

Tạm giữ tại nhà Phạm Văn V một số tài sản gồm: 01 bộ ghế gỗ thô, chưa phủ sơn, tay vuông, gồm: 02 ghế đơn cùng kích thước cao 1,1m, rộng 1,02m, lòng ghế 0,55m, sâu 0,6m, lòng ghế xuống mặt đất 0,41m và 01 ghế kích thước dài 2,48m, lòng ghế 2,07m, sâu 0,6m, lòng ghế xuống mặt đất 0,42m, cao 1,1m; thu giữ 06 ống hút nhựa, 04 bật lửa, 01 bình ga hình trụ tròn, đường kính 3,5cm, dài 15cm, thân màu vàng nắp màu đỏ, loại 155ml, 01 bình ga hình trụ tròn đường kính

4cm, dài 15cm, thân màu đen không có nắp, loại 280ml, 01 vỏ chai nhựa màu trắng không có nhãn mác, nắp màu xanh đục 02 lỗ, 01 lỗ cắm ống nhựa và 02 vỏ chai nhựa có nắp màu trắng (các ống hút bằng nhựa và vỏ chai nhựa không có tạp chất hay dung dịch bám dính); 02 tấm gỗ hình chữ nhật cùng kích thước dài 3,2m, rộng 1,18m, dày 0,1m; 01 khung cửa gỗ dài 2,18m, rộng 1,2m, có 02 khoang, khoang dưới dài 1,68m được lắp các song gỗ dài, vuông, khoang trên rỗng dài 0,52m; 01 khúc gỗ hình trụ tròn đặc, đường kính 24cm, dài 95cm, phần thân được bào vỏ; 01 khúc gỗ hình trụ tròn đặc, đường kính 26cm, dài 54cm, phần thân được bào vỏ.

Kết luận định giá tài sản ngày 19/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện K kết luận:

- Lần trộm cắp tài sản xảy ra ngày 08/10/2018 tại nhà ông Lê Quốc B: 01 bộ ghế tay vuông bằng gỗ hương chưa hoàn thiện, trong đó 02 ghế mỗi ghế có kích thước cao 1,1m, sâu lòng 0,6m, rộng 1,05m (có 01 ghế đơn bị nứt phần phía sau lưng); 01 ghế cao 1,1m, sâu lòng 0,6m, dài 2,4m, phần tựa lưng được đục bộ tranh tùng trúc cúc mai, trị giá: 19.500.000 đồng; 01 bộ ghế tròn bằng gỗ cẩm hương chưa hoàn thiện, trong đó 02 ghế mỗi ghế có kích thước cao 1,1m, sâu lòng 0,65m, rộng 0,95m (có 01 ghế bị nứt phần tay bên trái); 01 ghế cao 1,1m, sâu lòng 0,65m, dài 2,07m, phần tựa lưng được đục bộ tranh tùng trúc cúc mai, trị giá: 16.000.000 đồng.

- Lần trộm cắp tài sản xảy ra ngày 09/10/2018 tại nhà ông Đào Văn M 19 tấm gỗ các loại và nhà ông Vũ Văn L 02 khuôn cửa gỗ, trong đó 07 tấm gỗ thông mỗi tấm kích thước 2,3x0,15x0,15(m), 03 tấm gỗ thông mỗi tấm kích thước 2x0,15x0,09(m), tổng 10 tấm trị giá: 2.800.000 đồng, 03 tấm gỗ lim trong đó 02 tấm gỗ mỗi tấm kích thước 3,05x0,6x0,06(m), 01 tấm gỗ kích thước 3,05x0,2x0,06(m), tổng 03 tấm trị giá 7.300.000 đồng; 01 tấm gỗ dổi kích thước 3x0,5x0,03(m) trị giá 1.800.000 đồng, 05 tấm gỗ de vàng mỗi tấm kích thước 3x0,24x0,03(m), tổng trị giá: 14.100.000 đồng; 01 khuôn cửa bằng gỗ lim kích thước 2,2x1,57(m) (kích thước tấm khuôn gỗ 0,26x0,06 (m)); 01 khuôn cửa bằng gỗ sến kích thước 2,13x1,37(m) (kích thước tấm khuôn gỗ 0,26x0,06(m)), tổng 02 khuôn cửa trị giá 18.000.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản là 67.600.000 đồng.

Ngoài ra tài sản của ông Cao Đức L1 bị mất vào ngày 10/10/2018 là 10 tấm gỗ lim trị giá 15.000.000 đồng.

Kết luận giám định số 68/KLGĐ ngày 19/10/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: 01 mảnh nilon trong suốt, bề mặt phủ nhiều bụi, kích thước 6,28x6(m) (ký hiệu A1); 01 mảnh nilon trong suốt, bề mặt

phủ nhiều bụi, kích thước 6,28x6(m) (ký hiệu A2). Các dấu vết phát hiện trên mẫu A1, A2 dạng trượt quệt, không rõ đặc điểm đường vân, không đủ yếu tố giám định.

Kết luận giám định số 72/KLGĐ ngày 25/10/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng, kết luận đối với dữ liệu thu từ camera tại gia đình ông Lê Quốc B về việc khoảng 02h50 ngày 08/10/2018, gia đình ông B bị kẻ gian trộm cắp tài sản ở khu vực trước cửa nhà như sau: 09 tập tin video có phần mở rộng DAV có tổng dung lượng 649MB, được lưu trong 01 USB màu đen gửi giám định không bị cắt ghép. Không xác định được biển kiểm soát xe. Trên đầu xe đọc được dòng chữ "HUYNDAI", trên cánh cửa bên phải (ghế phụ) đọc được dòng chữ "NHẸ TAY…". Mô tả hành động và trích xuất các đối tượng được diễn giải dưới dạng văn bản có phụ lục kèm theo.

Kết luận giám định số 73/KLGĐ ngày 25/10/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng, kết luận đối với dữ liệu thu từ camera tại gia đình anh Phạm Văn N, sinh năm 1980, ở thôn X, xã T, huyện K, về việc rạng sáng ngày 09/10/2018 gia đình ông Đào Văn M bị kẻ gian trộm cắp tài sản như sau: 02 tập tin video có phần mở rộng DAV có tổng dung lượng 52,7MB, được lưu trong 01 USB màu đen, nhãn hiệu KINGTON 16GB gửi giám định không bị cắt ghép. Không xác định được biển kiểm soát, bên phải trên thành xe tải (bên phụ) đọc được dòng chữ và số "NHẬN CHỞ HÀNG 15C-048.13", trên cánh cửa bên phải (bên phụ) đọc được dòng chữ "NHẸ TAY…". Mô tả hành động và trích xuất đối tượng được diễn giải dưới dạng văn bản có phụ lục kèm theo.

Ngày 28/10/2018, Công an huyện K tiến hành khám xét khẩn cấp tại nhà Vũ Văn M, không tạm giữ tài sản gì liên quan đến hành vi phạm tội.

Ngày 29/10/2018, Công an huyện K tiến hành khám xét khẩn cấp tại nhà Chu Đức N, không phát hiện, tạm giữ tài sản gì có dấu hiệu tội phạm.

Trong quá trình điều tra, Vũ Văn M, Phạm Văn V đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên.

Bị hại Lê Quốc B, vợ là Phạm Thị N thống nhất khai: Ông bà mở cửa hàng kinh doanh đồ dùng nội thất tại gia đình, trong đó có kinh doanh bàn ghế gỗ, vốn kinh doanh thuộc quyền sở hữu của ông bà. Trong quá trình kinh doanh ông bà thường xuyên trưng bày một số bàn ghế gỗ để ở trước cửa nhà qua ngày đêm, vào mỗi buổi tối trước khi đi ngủ, ông bà có phủ mảnh nilon quấn dây cao su và được khóa bằng dây cáp. Khoảng 06 giờ sáng ngày 09/10/2018 gia đình ông ngủ dậy phát hiện bị mất 02 bộ ghế gỗ như nội dung đã nêu trên, gia đình xem camera quay lại hình ảnh bị mất tài sản vào khoảng hơn 2 giờ cùng ngày nên ông đã làm đơn trình báo sự việc đến Công an huyện K. Vụ việc được làm rõ, Cơ quan điều tra Công an huyện K đã thu hồi tài sản trả lại cho ông bà đầy đủ, ông bà không yêu cầu bồi thường gì và đề nghị xử lý M, V theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng bị hại Đào Văn M, Nguyễn Thị Đ thống nhất khai: Ông M mở xưởng mộc tại gia đình, ai có nhu cầu thuê đóng đồ gỗ thì ông nhận làm theo thỏa thuận; vốn mở xưởng thuộc quyền sở hữu của ông bà. Hàng ngày ông bà thường để gỗ ở trong lán giáp đường giao thông. Sáng ngày 09/10/2018 gia đình ngủ dậy mở cửa nhưng không được, sau biết cửa nhà mình bị buộc cùng với cửa nhà anh N ở liền kề, nên ông đã gọi điện nhờ người thân mở cửa giúp, ra kiểm tra phát hiện bị mất 19 tấm gỗ các loại như nội dung đã nêu trên, vì vậy ông làm đơn trình báo Công an huyện K giải quyết sự việc. Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện K đã trả lại ông 08 tấm gỗ thông; còn thiếu 11 tấm gỗ chưa thu hồi được trị giá 11.860.000 đồng. Nay ông bà yêu cầu M, V phải bồi thường cho ông bà số tiền trên và đề nghị xử lý M, V theo quy định của pháp luật.

Bị hại Vũ Văn L, vợ Vũ Thị T thống nhất khai: Ông L mở xưởng mộc tại gia đình, ai có nhu cầu thuê đóng đồ gỗ thì ông nhận làm trên cơ thoả thuận, vốn mở xưởng mộc thuộc quyền sở hữu của ông bà. Hàng ngày, mỗi khi sản xuất từ gỗ ra cửa, tủ…ông bà vẫn phơi khô qua ngày đêm cho đến khi hoàn thành thì trả đồ dùng cho người đặt hàng. Tối ngày 08/10/2018 ông bà có phơi 01 khung cửa gỗ trước cửa nhà và 01 khung cửa gỗ trước cửa nhà con gái (là chị T1) ở gần đó, khi phơi cửa, ông bà trực tiếp trông coi quản lý, không nhờ chị T1 trông coi. Sáng ngày 09/10/2018 ông bà ngủ dậy, ra kiểm tra thấy bị mất cả 02 khung cửa gỗ, gia đình đi tìm nhưng không thấy nên ngày 11/10/2018 ông làm đơn trình báo Công an huyện K. Vụ việc được làm rõ, Cơ quan điều tra Công an huyện K đã thu hồi tài sản trả lại cho ông bà đầy đủ, ông bà không yêu cầu bồi thường gì và đề nghị xử lý M, V theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại vật chứng cho những chủ sở hữu hợp pháp gồm:

- Trả lại ông Lê Quốc B: 03 ghế gỗ tay vuông tạm giữ tại nhà Chu Đức N, 03 ghế gỗ tay tròn thu tại nhà Trương Văn L, 02 tấm nilon màu trắng dạng bạt loại thường dùng để che đậy; 01 dây cáp bằng thép vỏ ngoài bằng nhựa một đầu chốt khóa đã bị cắt; 02 đoạn dây cao su co dãn màu đen đã bị cắt đứt 01 đoạn.

- Trả lại ông Vũ Văn L1: 01 khung cửa sổ, loại gỗ tạp và 01 khung cửa sổ, loại gỗ lim tạm giữ tại nhà anh Đỗ Văn Q.

- Trả lại ông Đào Văn M: 08 tấm gỗ thông tạm giữ tại nhà Chu Đức N

Đối với những vật chứng gồm: 03 ghế gỗ tay vuông; 02 tấm gỗ hình chữ nhật cùng kích thước; 01 khung cửa gỗ; 02 khúc gỗ hình trụ tròn đặc, tạm giữ tại nhà Phạm Văn V, Cơ quan điều tra chưa làm rõ được nguồn gốc tài sản nên tách ra, xử lý sau.

Đối với những vật chứng gồm: 01 đoạn dây thép màu nâu rỉ gập đôi dài 06cm; 06 ống hút nhựa, 04 bật lửa, 01 bình ga hình trụ tròn, đường kính 3,5cm, dài 15cm, thân màu vàng nắp màu đỏ, loại 155ml, 01 bình ga hình trụ tròn đường kính 4cm, dài 15cm, thân màu đen không có nắp, loại 280ml, 01 vỏ chai nhựa màu trắng không có nhãn mác, nắp màu xanh đục 02 lỗ, 01 lỗ cắm ống nhựa và 02 vỏ chai nhựa có nắp màu trắng, chuyển Chi cục thi hành án dân sự huyện K quản lý theo quy định của pháp luật.

Đối với 11 tấm gỗ gồm: 02 tấm gỗ thông, 03 tấm gỗ lim, 01 tấm gỗ dổi và 05 tấm gỗ de vàng, Chu Đức N đã sử dụng, tái chế nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự:

Vợ chồng ông B, vợ chồng ông L đã nhận lại tài sản đầy đủ, không yêu cầu bồi thường.

Vợ chồng ông M yêu cầu M, V bồi thường số tiền 11.860.000 đồng là giá trị 11 tấm gỗ chưa thu hồi được, theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản.

Anh L1 yêu cầu M, V phải trả lại số tiền 10.000.000 đồng mà anh đã đưa cho M, V khi mua ghế.

Các anh N1, L2 không yêu cầu M, V phải trả lại toàn bộ số tiền mà các anh đã mua tài sản do M, V bán.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên và đồng ý với kết luận của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố các bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản". Ngoài ra các bị cáo khai, sau khi trộm cắp tài sản, các bị cáo đã bán cho anh N lấy 13.500.000 đồng, bán cho anh L lấy 10.000.000 đồng, bán cho anh L lấy 8.000.000 đồng; toàn bộ số tiền trên, các bị cáo đã chia đều và chi tiêu cá nhân hết; hiện nay các bị cáo chưa hoàn trả lại cho các anh số tiền trên. Khi các bị cáo bán tài sản cho các anh, các bị cáo đều không nói cho các anh biết đó là tài sản do trộm cắp mà có. Bị cáo V khai số tài sản, đồ vật mà Cơ quan điều tra đã thu giữ tại nhà bị cáo đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện K quản lý thuộc quyền sở hữu của bị cáo, nhưng hiện nay không còn giá trị sử dụng, bị cáo đề nghị tiêu hủy. Bị cáo M khai, chiếc xe ô tô bị cáo dùng đi trộm cắp tài sản thuộc quyền sở hữu của bố bị cáo, khi điều khiển xe ô tô đi trộm cắp, bị cáo không nói cho bố biết mục đích đi trộm cắp tài sản; sau ngày trộm cắp tài sản tại huyện K, các bị cáo tiếp tục điều khiển xe ô tô trên đến các tỉnh khác trộm cắp.

Tại phiên tòa bị hại Đào Văn M khai phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra. Nay ông yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho vợ chồng ông số tiền 11.860.000 đồng là giá trị tài sản còn thiếu chưa thu hồi được. Đề nghị Hội đồng xét xử xử các bị cáo theo quy định của pháp luật. Đối với 01 đoạn dây thép màu

nâu rỉ gập đôi dài 06cm thuộc quyền sở hữu của ông, không còn giá trị sử dụng, ông đề nghị tiêu hủy.

Tại phiên tòa, các bị hại Lê Quốc B, Phạm Thị N, Vũ Văn L, Vũ Thị T, vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử xét xử các bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chu Đức N1, Đỗ Văn L2 vắng mặt, nhưng trong quá trình điều tra và trước ngày mở phiên tòa các anh đều không yêu cầu các bị cáo phải trả lại anh số tiền mà các anh đã đưa cho các bị cáo khi mua tài sản.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Văn L1 vắng mặt; trong quá trình điều tra, anh L1 yêu cầu các bị cáo phải trả lại anh số tiền 10.000.000 đồng, nhưng trước ngày mở phiên tòa, anh L1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không yêu cầu các bị cáo phải trả lại anh số tiền trên.

Bản cáo trạng số 19/CT-VKSKT, ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố các bị cáo Vũ Văn M, Phạm Văn V về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn M từ 36 tháng đến 42 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 07 năm tù của bản án số 62/HS-PT ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh và 17 tháng tù của bản án số 03/2019/HS-ST ngày 21/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Ninh. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 11 năm 05 tháng tù đến 11 năm 11 tháng tù.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn V từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 07 năm tù của bản án số 62/HS-PT ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh và 15(mười lăm) tháng tù của bản án số 03/2019/HS-ST ngày 21/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Ninh. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 10 năm 09 tháng đến 11 năm 03 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại là vợ chồng ông Lê Quốc B, vợ chồng ông Vũ Văn L đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không đặt ra trách nhiệm cho các bị cáo. Đối với tài sản của vợ chồng ông Đào Văn M còn thiếu chưa thù hồi được, trị giá 11.860.000 đồng. Nay ông M yêu cầu các bị

cáo phải bồi thường cho vợ chồng ông số tiền trên là phù hợp; căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 587, 589 của Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo phải bồi thường cho vợ chồng ông M số tiền trên, mỗi bị cáo phải bồi thường 5.930.000 đồng.

Đối với số tiền 31.500.000.000 đồng do các bị cáo bán tài sản trộm cắp cho anh N1, anh L, anh L2, trừ đi số tiền 3.500.000 đồng do anh N1 mua của các bị cáo 03 tấm gỗ lim nhưng anh nghị đã tái chế không thu hồi được, còn lại 28.000.000 đồng, các anh không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền trên; xét số tiền này do các bị cáo phạm tội mà có nên buộc các bị cáo phải nộp lại để sung quỹ Nhà nước, cụ thể, bị cáo M phải nộp lại 14. 000.000 đồng; bị cáo V phải nộp lại 14.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy toàn bộ vật chứng đang do Chi cục thi hành án dân sự huyện K quản lý, vì không còn giá trị sử dụng.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều rất ân hận về hành vi phạm tội của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo hưởng hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng*:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh; tình tiết định khung hình phạt; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; biên bản khám nghiệm hiện trường; vật chứng thu được; Kết luận giám định, Kết luận định giá tài sản và nội dung bản Cáo trạng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Trong các ngày 08, 09/10/2018, trên địa bàn huyện K, Vũ Văn M và Phạm Văn V đã lén lút chiếm đoạt 03 ghế tay vuông bằng

gỗ hương chưa hoàn thiện, trị giá 19.500.000 đồng và 03 ghế tay tròn bằng gỗ cẩm hương chưa hoàn thiện, trị giá 16.000.000 đồng, của vợ chồng ông Lê Quốc Bốn; 19 tấm gỗ trị giá 14.100.000 đồng của vợ chồng ông Đào Văn M; 02 khuôn cửa gỗ trị giá 18.000.000 đồng của vợ chồng ông Vũ Văn L. Tổng trị giá tài sản trộm cắp là 67.600.000 đồng. Như vậy các bị cáo Vũ Văn M, Phạm Văn V đã đồng phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự; tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt trị giá 67.600.000 đồng (trong khoảng từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng) quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, được xác định là tình tiết định khung hình phạt. Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố và đề nghị các bị cáo Vũ Văn M, Phạm Văn V về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật.

[3] Đây là vụ án có đồng phạm, tính chất vụ án nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Cần phải áp dụng hình phạt nghiêm đối với các bị cáo để phòng ngừa tội phạm.

[4] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Bị cáo M là người đề xuất, chuẩn bị phương tiện phạm tội; bị cáo V tham gia tích cực cùng M trực tiếp trộm cắp tài sản, nên M có vai trò đầu vụ, V có vai trò thứ hai. Do đó M phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn V.

[5] Nhân thân bị cáo M: Tại Bản án sơ thẩm số 10/2009/HSST ngày 07/5/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bản án phúc thẩm số 441/2009/HSPT ngày 11/9/2009 của Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng tuyên xử y án sơ thẩm. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chính từ ngày 03/10/2010 và các quyết định khác của Bản án nên được xóa án tích theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, sau khi thực hiện hành vi phạm tội này, bị cáo còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ở các tỉnh Bắc Ninh, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và tàng trữ trái phép chất ma túy tại tỉnh Quảng Bình; đã bị các Tòa án xét xử, còn lại Tòa án tỉnh Quảng trị chưa xét xử. Như vậy xác định nhân thân bị cáo không tốt.

[6] Nhân thân bị cáo V: Tuy chưa có tiền án, tiền sự nhưng sau khi thực hiện hành vi phạm tội này, bị cáo còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ở các tỉnh Bắc Ninh, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và tàng trữ trái phép chất ma túy tại tỉnh Quảng Bình; đến nay đã bị các Tòa án xét xử, còn lại Tòa án tỉnh Quảng trị chưa xét xử. Như vậy đánh giá nhân thân bị cáo không tốt.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều trộm cắp tài sản 03 lần, mỗi lần tài sản trị giá trên 2.000.000 đồng. Do đó các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự là "phạm tội 02 lần trở lên".

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Đối với bị cáo Vũ Văn M: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Đối với bị cáo Phạm Văn V: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có bố đẻ được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[9] Sau khi xem xét vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn (cách ly các bị cáo khỏi xã hội) như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

Bị cáo M đang phải chấp hành hình phạt 17 tháng tù tại Bản án số 03/2019/HSST ngày 21/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Ninh về tội "Trộm cắp tài sản", thời gian thực hiện trộm cắp là ngày 14/10/2018 và chấp hành hình phạt 07 năm tù tại Bản án số 62/2019/HS-PT ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về tội "Trộm cắp tài sản", thời gian thực hiện trộm cắp là ngày 23/10/2018.

Bị cáo V đang phải chấp hành hình phạt 15 tháng tù tại Bản án số 03/2019/HSST ngày 21/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Ninh về tội "Trộm cắp tài sản", thời gian thực hiện trộm cắp là ngày 14/10/2018 và chấp hành hình phạt 07 năm tù tại Bản án số 62/2019/HS-PT ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về tội "Trộm cắp tài sản", thời gian thực hiện trộm cắp là ngày 23/10/2018.

Như vậy các bị cáo đều thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thể hiện tại các bản án trên đều sau lần phạm tội này. Do đó cần phải tổng hợp hình phạt của hai bản án trên với hình phạt của bản án này, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt chung theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

[10] Ngoài ra các bị cáo khai, ngày 06/6/2019 Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Bình đã xử phạt 15 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; tại Bản án sơ thẩm số 24/2019/HS-ST ngày 07/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Bình xử phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Với thời gian này thì cả hai bản án đều chưa có hiệu lực pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử không tổng hợp hình phạt với hình phạt của bản án này.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Lê Quốc B, vợ Phạm Thị N; Vũ Văn L, vợ Vũ Thị T đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không đặt ra trách nhiệm cho các bị cáo. Đối với bị hại Đào Văn M, vợ là Vũ Thị T đã nhận lại 08 tấm gỗ thông, còn thiếu 11 tấm gỗ chưa thu hồi được, theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trị giá 11.860.000 đồng. Nay vợ chồng bị hại M yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền trên là phù hợp, nên buộc các bị cáo phải bồi thường; do các bị cáo đã thống nhất về lỗi cũng như quyền lợi được hưởng đối với số tiền này là ngang nhau, dó đó buộc mỗi bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại ngang nhau, cụ thể M phải bồi thường 5.930.000 đồng, V phải bồi thường 5.930.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 587 của Bộ luật Dân sự.

Đối với số tiền 13.500.000 đồng do các bị cáo bán tài sản trộm cắp cho anh N1, trong đó có 03 tấm gỗ lim trị giá 3.500.000 đồng anh N1 đã tái chế, không nộp lại, như vậy còn lại 10.000.000 đồng; số tiền 10.000.000 đồng bán tài sản cho anh L1; số tiền 8.000.0000 đồng bán tài sản cho anh L2. Tổng cộng là 28.000.000 đồng, nhưng các anh không yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền trên; xét số tiền này do các bị cáo phạm tội mà có nên buộc các bị cáo phải nộp lại để sung quỹ Nhà nước, số tiền nộp lại ngang nhau như đã phân tích ở trên, cụ thể, bị cáo M phải nộp lại 14.000.000 đồng; bị cáo V phải nộp lại 14.000.000 đồng.

[12] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 đoạn dây thép màu nâu rỉ gập đôi dài 06cm của ông Đào Văn M, không còn giá trị sử dụng; tại phiên tòa, ông đề nghị tiêu hủy; 06 ống hút nhựa, 04 bật lửa, 01 bình ga hình trụ tròn, đường kính 3,5cm, dài 15cm, thân màu vàng nắp màu đỏ, loại 155ml, 01 bình ga hình trụ tròn đường kính 4cm, dài 15cm, thân màu đen không có nắp, loại 280ml, 01 vỏ chai nhựa màu trắng không có nhãn mác, nắp màu xanh đục 02 lỗ, 01 lỗ cắm ống nhựa và 02 vỏ chai nhựa có nắp màu trắng của bị cáo Phạm Văn V, không còn giá trị sử dụng; tại phiên tòa bị cáo đề nghị tiêu hủy. Do đó cần tịch thu tiêu hủy toàn bộ số vật chứng trên theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[13] Trong vụ án này, Cơ quan điều tra chưa làm rõ được đối tượng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại nhà ông Cao Đức L1 nên Cơ quan điều tra đã tách vụ án là đúng pháp luật.

Đối với Chu Đức N1 mua 03 ghế gỗ tay vuông, 03 tấm gỗ lim và được M, V cho một số tấm gỗ các loại, đồng ý cho M, V để nhờ 02 khung cửa gỗ; Trương Văn L mua 03 ghế gỗ tay tròn; Đỗ Văn L2 mua 02 khung cửa của M, V. N1, L1, L2 không biết những tài sản trên là do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là đúng pháp luật.

Đối với Nguyễn Tân V1 giới thiệu cho L2 mua 02 khung cửa của M, V, Đỗ Văn Q đồng ý cho L để nhờ 02 khung cửa mua của M, V. V1, Q không biết những tài sản trên là do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Ngoài ra M khai nhận tháng 6/2018 cùng Phạm Văn D, cư trú tại thôn K, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng trộm cắp 03 ghế gỗ tay vuông tại tỉnh Hưng Yên, sau đó bán cho V tại huyện A, thành phố Hải Phòng, Cơ quan điều tra chưa làm rõ được nên tách ra xử lý sau là đúng pháp luật.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn M 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp hình phạt 07 năm tù của bản án số 62/HS-PT ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh và 17 tháng tù của bản án số 03/2019/HS-ST ngày 21/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Ninh. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 11 (mười một) năm 11 (mười một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 25/10/2018.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn V 03 (ba) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp hình phạt 07 năm tù của bản án số 62/HS-PT ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh và 15(mười lăm) tháng tù của bản án số 03/2019/HS-ST ngày 21/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Ninh. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 11 (mười một) năm 3 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 25/10/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 587, 589 của Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho ông Đào Văn M và vợ là bà Nguyễn Thị Đ số tiền 11.860.000 đồng; cụ thể, bị cáo Vũ Văn M phải bồi thường số tiền 5.930.000 đ (năm triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng); bị cáo Phạm Văn V phải bồi thường số tiền 5.930.000 đ (năm triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông M, bà Đ mà các bị cáo chưa thi hành số tiền trên thì phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, buộc mỗi bị cáo phải nộp lại số tiền 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây thép màu nâu rỉ gập đôi dài 06cm; 06 ống hút nhựa; 04 bật lửa; 01 bình ga hình trụ tròn, đường kính 3,5cm, dài 15cm, thân màu vàng nắp màu đỏ, loại 155ml; 01 bình ga hình trụ tròn đường kính 4cm, dài 15cm, thân màu đen không có nắp, loại 280ml; 01 vỏ chai nhựa màu trắng không có nhãn mác, nắp màu xanh đục 02 lỗ, 01 lỗ cắm ống nhựa và 02 vỏ chai nhựa có nắp màu trắng (theo biên bản giao nhận vật chứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, ngày 24/4/2019).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại Đào Văn M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại Nguyễn Thị Đ, Lê Quốc B, Phạm Thị N, Vũ Văn L, Vũ Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K ;
- Trại tạm giam tỉnh Hà TĨnh;
- Chi cục THA dân sự + Sở tư pháp;
- PV 06; PC 10;
- Các bị cáo;
- Các bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Dịu